

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02- 8 -2022

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu Lan;

2. Bà Ngô Thị Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 - 5-2022 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị C, sinh năm 1987;

ĐKHKT: Thôn Q, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lý Văn C (Lý Văn T), sinh năm 1988;

ĐKHKT: Thôn Q, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái;

Hiện đang cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái;

Địa chỉ: Tổ 13, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 5 năm 2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trương Thị C trình bày:

Chị và anh Lý Văn C (Lý Văn T) chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng giữa năm 2007, đến ngày 01 tháng 01 năm 2011 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, chị và anh C chung sống tại thôn Q, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh C nghiện ma túy, gia đình có cho anh C đi cai nghiện nhưng anh C vẫn không từ bỏ được ma túy, dẫn đến vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi cọ. Chị C đã mang con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Chị và anh C đã sống ly thân mỗi người một nơi từ đầu năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lý Văn C.

Về con chung: Chị và anh C (T) có 02 con chung Lý Thị T, sinh ngày 08/10/2007 và Lý Văn H, sinh ngày 30/7/2009. Ly hôn chị C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và chị không yêu cầu anh C (T) phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã gửi thông báo về việc Thụ lý vụ án cho anh Lý Văn C (T). Tại bản tự khai ngày 21 tháng 6 năm 2022 có xác nhận của Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái, anh C (T) khai: “Tôi kết hôn với cô Trương Thị C trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 01/01/2011, trước khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc tới khoảng tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bản thân tôi nghiện ma túy và vợ tôi ngoại tình bỏ đi không rõ địa chỉ, sau đó khoảng 02 năm tôi bị bắt đi cai nghiện ma túy tập chung, tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái tới nay và không có liên hệ gì với nhau. Tôi xác định tình cảm vẫn còn và đề nghị để tôi hết thời hạn cai nghiện trở về giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Có hai con chung: Lý Thị T, sinh ngày 08/10/2007 và Lý Văn H, sinh ngày 30/7 /2009; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau”.

Biên bản xác minh ngày 16 tháng 6 năm 2022 (bút lục số 25) trưởng thôn Q, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái, cho biết: Chị Trương Thị C và anh Lý Văn C (T) đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái vào năm 2011. Chị C và anh C (T) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh C nghiện ma túy và đã được đưa đi Cai nghiện ma túy tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Về con chung chị C và anh C (T) có 02 con chung Lý Thị T, sinh ngày 08/10/2007 và Lý Văn H, sinh ngày 30/7/2009. Về tài sản chung, nợ chung chị C và anh C (T) có hay không tôi không rõ. Nay chị C xin ly hôn anh C (T) và

có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Trương Thị C được ly hôn anh Lý Văn C (T); về con chung: Giao hai con chung Lý Thị T, sinh ngày 08/10/2007; Lý Văn H, sinh ngày 30/7/2009 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh C (T) có quyền thăm nom đối với con chung, không ai được ngăn cản; Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị C có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị và anh Lý Văn C (T). Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Lý Văn C (T) là bị đơn hiện đang đi Cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái; chị Trương Thị C vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Lý Văn C và căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Trương Thị C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị C và anh Lý Văn C (T) có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 01 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị C và anh Lý Văn C (T) là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị C và anh C (T) tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Tại bản khai anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị để hết thời hạn cai nghiện trở về giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được mâu thuẫn vì do anh C nghiện ma túy, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay và cương quyết ly hôn anh C. Do anh C đang đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị C và anh C làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị C.

[4] Về con chung: Chị C và anh C (T) có 02 người con chung, Lý Thị T, sinh ngày 08/10/2007 và Lý Văn H, sinh ngày 30 /7/ 2009. Ly hôn chị C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và chị C không yêu cầu anh C (T) phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Cháu T và cháu H hiện đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cháu T và cháu H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng và cũng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu muốn được ở cùng chị C. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là Lý Thị T, sinh ngày 08/10/2007 và Lý Văn H, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2009 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh C (T) không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Trương Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị C được ly hôn anh Lý Văn C (Lý Văn T).

2. Về con chung: Giao con chung Lý Thị T, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2007 và Lý Văn H, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2009 cho chị Trương Thị C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T, cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Lý Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002843 ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Trương Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị C và anh Lý Văn C (T) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Thi hành án DS huyện Văn Yên;
- UBND xã Y;
- Các đương sự; Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương